

HÀNH VI LỰA CHỌN NGÀNH HỌC CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TẠI VIỆT NAM – NHÌN TỪ KHÍA CẠNH LÝ THUYẾT

Dương Thế Duy¹, Nguyễn Thị Xuân Lan², Trần Tiến Quang³, Tô Sanya Minh Kha^{4*}

^{1,2} Khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.Hồ Chí Minh

³ Trường Đại học Văn Lang

⁴ Học Viện Phật giáo Việt Nam

duydt@huflit.edu.vn, lanntx@huflit.edu.vn, quang.tran@vlu.edu.vn, tosanyaminhkha@gmail.com

TÓM TẮT- Việc lựa chọn ngành học giữ vai trò quan trọng trong định hướng nghề nghiệp và tương lai của sinh viên, đặc biệt trong bối cảnh thị trường lao động biến động và giáo dục đại học ngày càng đa dạng. Nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên tại các trường đại học tư thực ở Việt Nam. Dựa trên Thuyết hành vi có kế hoạch (TPB), mô hình nghiên cứu được xây dựng với ba nhóm yếu tố: (1) thái độ đối với nghề nghiệp và trường đại học; (2) quy chuẩn chủ quan từ gia đình và xã hội; (3) nhận thức về sự phù hợp giữa bản thân với ngành học. Các yếu tố được đo lường bằng các biến quan sát nhằm kiểm định tác động đến hành vi lựa chọn. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần mở rộng ứng dụng TPB trong lĩnh vực giáo dục, mà còn cung cấp hàm ý thực tiễn cho các cơ sở giáo dục trong việc thiết kế chiến lược từ vấn tuyển sinh và định hướng nghề nghiệp phù hợp với đặc điểm của người học.

Từ khóa: lựa chọn ngành học, sinh viên đại học tư thực, hành vi người học, định hướng nghề nghiệp, lý thuyết hành vi.

I. GIỚI THIỆU

Hành vi của sinh viên hiện nay trong việc lựa chọn chuyên ngành học đặc biệt là đối với sinh viên đại học tư thực tại Việt Nam đã trở thành một chủ đề nghiên cứu ngày càng cấp bách do sự tác động, tương tác giữa sở thích cá nhân, kỳ vọng xã hội, điều kiện kinh tế và điều kiện giáo dục trong giai đoạn phát triển quan trọng. Vì giáo dục đại học có ảnh hưởng lớn đến nghề nghiệp và định hướng tương lai của sinh viên, nên việc hiểu các yếu tố quyết định lựa chọn chuyên ngành là điều cần thiết để điều chỉnh nguyện vọng cá nhân với nhu cầu của xã hội. Nghiên cứu hiện tại chỉ ra rằng sự lựa chọn của sinh viên được hình thành bởi các yếu tố như sở thích cá nhân, năng lực được nhận thức, nguyện vọng nghề nghiệp và áp lực từ gia đình và bạn bè [1], [2], [3], [4]. Ví dụ, những người theo đuổi các chuyên ngành liên quan đến STEM thường trích dẫn những trải nghiệm giáo dục ban đầu tích cực là động lực [5], trong khi những người khác hướng đến các lĩnh vực được đánh giá cao hơn về uy tín hoặc triển vọng việc làm, chẳng hạn như kinh tế hoặc kinh doanh [4]. Trong bối cảnh các trường đại học tư thực của Việt Nam, nơi sinh viên phải tự trang trải chi phí và mức học phí tương đối cao hơn so với các trường công lập, quyết định này càng trở nên quan trọng hơn. Các tổ chức này thường thu hút sinh viên có xuất thân từ gia đình thu nhập trung bình, những người phải cân bằng giữa đam mê và tính thực tế, đặc biệt là trong bối cảnh học phí tăng cao và thị trường lao động không chắc chắn.

Những yêu cầu của kỷ nguyên Công nghiệp 4.0 càng làm phức tạp thêm những quyết định này, vì sự thay đổi về công nghệ và nhu cầu ngày càng tăng của lực lượng lao động đòi hỏi khả năng thích ứng trong giai đoạn phát triển mới [6]. Các cơ hội học tập theo trải nghiệm, chẳng hạn như thực tập hoặc cố vấn, đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố cam kết với các lĩnh vực đã chọn [7], nhưng nhiều sinh viên vẫn tiếp tục thay đổi với sự không chắc chắn về con đường tương lai của mình [8], [9]. Điều này đặc biệt rõ ràng trong khu vực trường đại học tư thực của Việt Nam, nơi các cơ chế hỗ trợ của tổ chức như tư vấn nghề nghiệp thường kém phát triển. Do đó, sự thiếu thông tin, định hướng góp phần gây ra sự do dự, lo lắng và đôi khi là phân bổ nguồn lực giáo dục không hiệu quả. Do nhu cầu thị trường việc làm vẫn còn thay đổi và các yêu cầu về kỹ năng thay đổi nhanh chóng [10], các nhà giáo dục, cố vấn và nhà hoạch định chính sách cần triển khai các biện pháp can thiệp có mục tiêu. Các biện pháp này không chỉ nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết kịp thời về thị trường lao động mà còn bồi dưỡng khả năng ra quyết định có suy xét dựa trên cả nhận thức về bản thân và thực tế kinh tế xã hội. Sự hội tụ của các động lực bên trong và các tác động bên ngoài nhấn mạnh tầm quan trọng của một quy trình lựa chọn chuyên ngành được hỗ trợ tốt, có thông tin và có khả năng phản hồi, đặc biệt là trong hệ thống giáo dục đại học tư thực năng động và đang mở rộng của Việt Nam.

Chính vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đi sâu tìm hiểu và hệ thống hóa các yếu tố then chốt tác động đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên các trường đại học tư thực tại Việt Nam. Dựa trên nền tảng của thuyết Hành vi dự định (Theory of Planned Behavior - TPB) và tổng hợp các công trình nghiên cứu liên quan, bài viết này đề xuất một mô hình nghiên cứu toàn diện, xem xét vai trò của các yếu tố cấu thành TPB bao gồm: thái độ (đối với nghề nghiệp tiềm năng và đối với trường đại học cụ thể), quy chuẩn chủ quan (những ảnh hưởng và kỳ vọng từ những người quan trọng như gia đình, bạn bè đối với việc chọn ngành và chọn trường), và nhận thức kiểm

* Corresponding Author

soát hành vi (thể hiện qua sự tự đánh giá của sinh viên về mức độ phù hợp của năng lực, tính cách, và điều kiện cá nhân đối với ngành học dự định). Mục tiêu của nghiên cứu là làm rõ mức độ ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố này đến hành vi lựa chọn ngành học, từ đó cung cấp những luận cứ khoa học và hàm ý thực tiễn cho sinh viên, gia đình, các cơ sở giáo dục đại học tư thục và các nhà hoạch định chính sách giáo dục trong việc định hướng và hỗ trợ quá trình lựa chọn ngành học một cách hiệu quả hơn, phù hợp với bối cảnh đặc thù của giáo dục đại học tư thục tại Việt Nam.

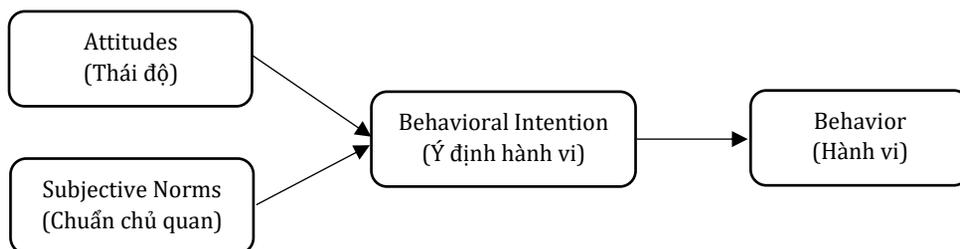
II. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

A. THUYẾT HÀNH ĐỘNG HỢP LÝ (TRA - THEORY OF REASONED ACTION)

Thuyết hành động hợp lý (TRA) được phát triển bởi nhà tâm lý học Martin Fishbein và được sửa đổi, mở rộng bởi Icek Ajzen. Thuyết TRA mô tả hành vi thay đổi dựa trên kết quả của ý định hành vi và ý định hành vi chịu ảnh hưởng bởi thái độ cá nhân đối với hành vi, cùng sự ảnh hưởng của chuẩn chủ quan xung quanh việc thực hiện các hành vi đó. Ý định hành vi rất quan trọng bởi ý định càng mạnh mẽ càng làm tăng động lực thực hiện hành vi, điều này dẫn đến làm tăng khả năng hành vi được thực hiện [11], [12].

TRA đã được áp dụng rộng rãi trong các bối cảnh như sức khỏe và hành vi của người tiêu dùng, trong đó thái độ và chuẩn mực đã được chứng minh là có khả năng dự đoán ý định hành vi [13], [14]. Ví dụ, các nghiên cứu cho thấy thái độ tích cực đối với một sản phẩm có mối tương quan mạnh mẽ với ý định mua hàng, củng cố sức mạnh giải thích của lý thuyết. Tuy nhiên, những người chỉ trích cho rằng TRA bị hạn chế bởi bản chất tĩnh, cứng nhắc của nó, khiến nó kém hiệu quả hơn trong việc nắm bắt các thái độ đang phát triển và bối cảnh xã hội năng động [15], [16].

Mục đích chính của TRA là tìm hiểu hành vi tự nguyện của một cá nhân bằng cách kiểm tra động lực cơ bản tiềm ẩn của cá nhân đó để thực hiện một hành động. Theo lý thuyết này, các cá nhân có cơ sở và động lực trong quá trình ra quyết định của họ và đưa ra một sự lựa chọn hợp lý giữa các giải pháp, công cụ tốt nhất để phán đoán hành vi là ý định và hành vi được xác định bởi ý định thực hiện hành vi của một người. Mô hình lý thuyết TRA của Ajzen và Fishbein được biểu hiện trong Hình sau đây:



Hình 1. Mô hình lý thuyết hành động hợp lý TRA

B. THUYẾT VỀ HÀNH VI DỰ ĐỊNH (TPB - THEORY OF PLANNED BEHAVIOR)

Lý thuyết hành vi hoạch định (TPB) là phần mở rộng của Lý thuyết hành vi hợp lý (TRA), bởi lý thuyết TRA cho rằng hành vi của con người là hoàn toàn do lý trí kiểm soát. Ngoài thái độ và chuẩn mực chủ quan bao gồm lý thuyết hành động hợp lý, đóng góp quan trọng của TPB là khái niệm kiểm soát hành vi và nhận thức, được định nghĩa là nhận thức của một cá nhân về sự dễ dàng hay khó khăn khi thực hiện hành vi cụ thể. Chính vì thế, lý thuyết này có thể áp dụng nhiều hơn khi xác suất thành công và khả năng kiểm soát thực tế đối với việc thực hiện một hành vi là dưới mức tối ưu [17], [18].

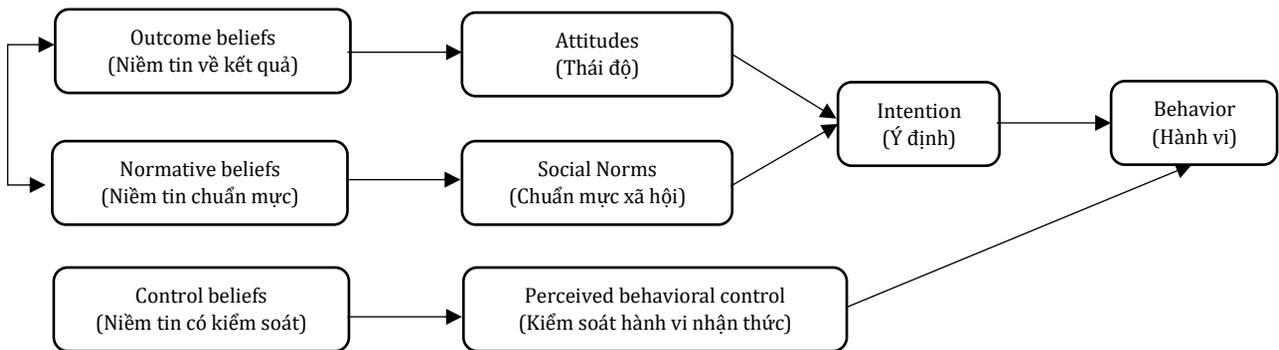
Ý định hành vi được tạo ra từ sự kết hợp giữa thái độ đối với hành vi, chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi [13]. Kiểm soát hành vi tương tự như sự tự tin vào năng lực bản thân và phụ thuộc vào nhận thức của mỗi cá nhân về mức độ khó thực hiện hành vi đó. Một cá nhân khi có thái độ tích cực đối với hành vi và các chuẩn mực chủ quan, đồng thời khả năng kiểm soát hành vi được nhận thức càng lớn thì ý định thực hiện hành vi của người đó càng mạnh mẽ.

Do đó, TPB giới thiệu cấu trúc về hành vi kiểm soát nhận thức như một yếu tố mới cho TRA trong việc xác định ý định và hành vi của cá nhân. Hình 2 bên dưới thể hiện các khái niệm của lý thuyết hoạch định hành vi:

Ba yếu tố quyết định cơ bản trong lý thuyết hành vi hoạch định bao gồm:

- Thái độ đối với hành vi: đây là cảm nhận tích cực hoặc tiêu cực của cá nhân về việc thực hiện một hành vi cụ thể;

- Tiêu chuẩn chủ quan: là áp lực xã hội hoặc kỳ vọng từ người khác (gia đình, bạn bè, đồng nghiệp) về việc nên hay không nên thực hiện hành vi;
- Nhận thức kiểm soát hành vi: là cảm nhận của cá nhân về khả năng và sự kiểm soát (dễ dàng hay khó khăn) để thực hiện hành vi, bao gồm cả yếu tố nội tại và ngoại tại.



Hình 2. Mô hình thuyết hành vi dự định TPB

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Từ mô hình thuyết hành vi dự định (TPB), nghiên cứu này sẽ tập trung phân tích làm rõ các yếu tố nào đã tác động đến hành vi lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên. Cụ thể hơn, phương pháp nghiên cứu định tính được chọn lựa cho nghiên cứu này. Với 11 chuyên gia đang giữ nhiệm vụ quản lý tại các trường đại học và 18 sinh viên thuộc các trường đại học tư thục tại Việt Nam được lựa chọn để thực hiện phỏng vấn sâu nhằm điều chỉnh, phát triển các biến đối với mô hình nghiên cứu.

Để phục vụ cho nghiên cứu, nguồn dữ liệu sẽ được thu thập thông qua phương pháp tổng hợp lý thuyết. Phương pháp này giúp tập hợp đầy đủ các tài liệu liên quan trong cùng lĩnh vực, tạo cơ sở cho việc xây dựng và biện luận các giả thuyết của bài nghiên cứu.

IV. CÁC GIẢ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

A. THÁI ĐỘ

1. MỐI LIÊN HỆ GIỮA THÁI ĐỘ VỚI TRƯỜNG HỌC VÀ HÀNH VI LỰA CHỌN NGÀNH HỌC

Mối quan hệ giữa thái độ của sinh viên đối với trường học và hành vi lựa chọn ngành học của họ chỉ ra rằng thái độ tích cực có mối tương quan đáng kể với những lựa chọn sáng suốt và tự tin liên quan đến ngành mà sinh viên chọn học. Thái độ của sinh viên đối với môi trường giáo dục của mình được hình thành bởi các yếu tố như sự gắn kết, sự hài lòng và sự hỗ trợ được nhận thức có thể tác động sâu sắc đến quá trình ra quyết định của họ khi lựa chọn ngành học [19]. Thật vậy, nghiên cứu chỉ ra rằng những học sinh có cảm nhận tích cực về trường học của mình có nhiều khả năng khám phá các lựa chọn học thuật đa dạng và cảm thấy tự tin hơn vào lựa chọn ngành học của mình [19]. Ví dụ, mối quan hệ hỗ trợ giữa giảng viên và sinh viên góp phần tạo nên thái độ thuận lợi hơn đối với trường học, điều này dường như ảnh hưởng tích cực đến sự tự tin của sinh viên khi lựa chọn ngành học phù hợp [20]. Ngược lại, thái độ tiêu cực đối với trường học có thể cản trở việc khám phá và dẫn đến sự do dự hoặc lựa chọn các ngành học không phù hợp với sở thích cá nhân hoặc mục tiêu nghề nghiệp. Do đó, giả thuyết này nhằm mục đích làm sáng tỏ mối quan hệ phức tạp giữa thái độ của sinh viên và hành vi lựa chọn ngành học, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tạo ra môi trường giáo dục tích cực để hỗ trợ sinh viên đưa ra những lựa chọn ngành học phù hợp. Với biện luận trên, ta có giả thuyết:

H1a: Thái độ với trường học có tác động tích cực đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên các trường đại học tư thục tại Việt Nam.

2. MỐI LIÊN HỆ GIỮA THÁI ĐỘ VỚI NGHỀ NGHIỆP VÀ HÀNH VI LỰA CHỌN NGÀNH HỌC

Mối quan hệ giữa thái độ nghề nghiệp và hành vi lựa chọn ngành học chỉ ra rằng thái độ của sinh viên đối với nghề nghiệp tiềm năng của họ ảnh hưởng đáng kể đến sự lựa chọn ngành học của họ. Thái độ nghề nghiệp, bao gồm niềm tin, sở thích và động lực của một cá nhân liên quan đến các ngành nghề khác nhau, có thể định hình mạnh mẽ các quyết định về con đường giáo dục [21]. Ví dụ, những sinh viên thể hiện thái độ tích cực đối với nghề nghiệp tương lai của mình có nhiều khả năng chọn các chuyên ngành phù hợp với nguyện vọng nghề nghiệp của họ, dẫn đến sự hoàn thành và động lực hơn trong việc theo đuổi học tập của họ [22]. Ngược lại, thái độ nghề nghiệp tiêu cực có thể ngăn cản sinh viên lựa chọn các lĩnh vực cụ thể, góp phần vào sự do dự hoặc lựa chọn các chuyên ngành không phù hợp với sở thích và giá trị của họ [23]. Ngoài ra, nghiên cứu đã chỉ ra rằng thái độ nghề nghiệp tự định hướng của sinh viên có thể tăng cường sự tham gia của họ vào các hành vi liên quan đến nghề nghiệp, cuối cùng

dẫn đến sự phù hợp tốt hơn giữa các lựa chọn học tập và mục tiêu nghề nghiệp của họ [24]. Giả thuyết này nhằm mục đích khám phá những động lực này, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nuôi dưỡng thái độ nghề nghiệp tích cực để tạo điều kiện cho sinh viên lựa chọn ngành học phù hợp. Ta có giả thuyết:

H1b: Thái độ với nghề nghiệp có tác động tích cực đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên các trường đại học tư thục tại Việt Nam.

B. QUY CHUẨN CHỦ QUAN

1. MỐI LIÊN HỆ GIỮA QUY CHUẨN CHỦ QUAN ĐỐI VỚI NGÀNH HỌC VÀ HÀNH VI LỰA CHỌN NGÀNH HỌC

Các chuẩn mực chủ quan được cho là ảnh hưởng đáng kể đến việc sinh viên lựa chọn ngành học của mình [25]. Các nghiên cứu trước đây cho thấy rằng ý kiến và kỳ vọng của gia đình, bạn bè và xã hội nói chung có thể định hình quyết định của sinh viên, thường củng cố cam kết của họ đối với các lĩnh vực nghiên cứu cụ thể [26]. Trong khi một số cuộc khảo sát đã cho thấy mối tương quan tích cực giữa các chuẩn mực chủ quan và hành vi lựa chọn ngành học, cho thấy rằng môi trường xã hội hỗ trợ có thể tạo điều kiện thuận lợi cho những quyết định này, thì những cuộc khảo sát khác lại nhấn mạnh sự không nhất quán của các chuẩn mực chủ quan như một yếu tố dự báo khi so sánh với thái độ và khả năng kiểm soát hành vi được nhận thức [27] [28]. Đáng chú ý là ảnh hưởng của các chuẩn mực chủ quan có thể suy yếu khi sinh viên cảm thấy tự tin vào khả năng thành công của mình trong một lĩnh vực cụ thể, cho thấy nhu cầu hiểu biết sâu sắc về cách các ảnh hưởng xã hội tương tác với động lực cá nhân và các ràng buộc được nhận thức. Do đó, nghiên cứu này nhằm mục đích khám phá động lực của các chuẩn mực chủ quan trong bối cảnh lựa chọn chuyên ngành, cung cấp thông tin chi tiết về cách các khuôn khổ xã hội có thể tác động đến quỹ đạo học tập của sinh viên. Từ đó, ta có giả thuyết:

H2a: Quy chuẩn chủ quan đối với ngành học có tác động tích cực đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên các trường đại học tư thục tại Việt Nam.

2. MỐI LIÊN HỆ GIỮA QUY CHUẨN CHỦ QUAN ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỌC VÀ HÀNH VI LỰA CHỌN NGÀNH HỌC

Mối quan hệ giữa các chuẩn mực chủ quan liên quan đến trường học hoặc trường đại học và hành vi lựa chọn ngành đặt ra rằng áp lực xã hội được nhận thức do bạn bè, gia đình và môi trường học thuật rộng lớn hơn gây ra ảnh hưởng đáng kể đến quyết định của sinh viên khi lựa chọn con đường học tập của mình. Chuẩn mực chủ quan bao gồm kỳ vọng và niềm tin về cách người khác nhận thức về sự lựa chọn chuyên ngành của sinh viên, điều này có thể dẫn đến sự tuân thủ hoặc khác biệt trong việc ra quyết định. Nghiên cứu đã chứng minh rằng sinh viên thường coi ý kiến của gia đình và kỳ vọng của xã hội là những yếu tố quan trọng trong quá trình lựa chọn chuyên ngành của họ, có khả năng liên kết các lựa chọn của họ với những gì được coi là chấp nhận được về mặt xã hội hoặc có uy tín. Ví dụ, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự hỗ trợ của cha mẹ và sự khuyến khích của xã hội có thể nâng cao ý định theo đuổi các lĩnh vực học tập cụ thể của sinh viên. Tuy nhiên, những phát hiện trái ngược nhau cho thấy sức mạnh dự đoán của các chuẩn mực chủ quan có thể khác nhau, với một số nghiên cứu chỉ ra rằng thái độ cá nhân và khả năng kiểm soát hành vi được nhận thức thường có ảnh hưởng mạnh hơn đến việc lựa chọn chuyên ngành so với các chuẩn mực chủ quan. Do đó, giả thuyết này nhằm mục đích khám phá sự tương tác phức tạp giữa các chuẩn mực chủ quan và các quyết định chuyên ngành của sinh viên, góp phần hiểu sâu hơn về động lực lựa chọn học thuật trong giáo dục đại học.

H2b: Quy chuẩn chủ quan đối với trường học có tác động tích cực đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên các trường đại học tư thục tại Việt Nam.

C. NHẬN THỨC

1. MỐI LIÊN HỆ NHẬN THỨC SỰ PHÙ HỢP VỀ NĂNG LỰC CỦA BẢN THÂN ĐỐI VỚI NGÀNH HỌC VÀ HÀNH VI LỰA CHỌN NGÀNH HỌC CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TẠI VIỆT NAM

Mối quan hệ giữa nhận thức về tính phù hợp của năng lực của một người đối với một ngành học và hành vi lựa chọn ngành học đề xuất rằng việc tự đánh giá các kỹ năng và năng lực của sinh viên ảnh hưởng đáng kể đến việc lựa chọn các ngành học của họ. Khi sinh viên nhận thấy năng lực của mình phù hợp với một ngành học cụ thể, họ có nhiều khả năng lựa chọn lĩnh vực đó hơn, được thúc đẩy bởi cảm giác tự tin và phù hợp với thể mạnh của mình. Nhận thức về bản thân này có thể đóng vai trò là yếu tố thúc đẩy, hướng sinh viên đến những lĩnh vực mà họ tin rằng mình có thể vượt trội và tìm thấy sự hoàn thiện. Ngược lại, nếu sinh viên cảm thấy năng lực của mình không phù hợp với các yêu cầu ngành học, họ có thể lựa chọn những con đường ít thử thách hơn, không phát huy hết tiềm năng của mình, dẫn đến những lựa chọn không tối ưu. Cuối cùng, việc hiểu được mối quan hệ này có thể cung cấp thông tin cho các chiến lược giáo dục nhằm nâng cao kỹ năng tự đánh giá của sinh viên, khuyến khích họ liên kết các lựa chọn chuyên ngành của mình với năng lực và nguyện vọng của họ.

Các tài liệu tham khảo được trích dẫn [29][30][31] không hỗ trợ đầy đủ cho các tuyên bố được đưa ra trong phần hồi này liên quan đến việc tự đánh giá trong việc lựa chọn ngành học. Do đó, chúng đã bị xóa do không liên quan đến nhiệm vụ khám phá mối liên hệ giữa nhận thức về bản thân của sinh viên và hành vi lựa chọn chuyên ngành. Chúng tôi khuyên bạn nên tìm nguồn các bài báo khoa học phù hợp đề cập cụ thể đến ảnh hưởng của việc tự đánh giá đối với việc lựa chọn ngành học để củng cố các tuyên bố được đưa ra trong bài tường thuật này một cách chính xác.

H3a: *Nhận thức về sự phù hợp về năng lực của bản thân đối với ngành học có tác động tích cực đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên các trường đại học tư thục tại Việt Nam.*

2. MỐI LIÊN HỆ NHẬN THỨC SỰ PHÙ HỢP VỀ TÍNH CÁCH CỦA BẢN THÂN ĐỐI VỚI NGÀNH HỌC VÀ HÀNH VI LỰA CHỌN NGÀNH HỌC CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TẠI VIỆT NAM

Nhận thức về tính cách phù hợp với ngành học và hành vi lựa chọn ngành học cho thấy rằng niềm tin của sinh viên về các đặc điểm tính cách của họ ảnh hưởng đáng kể đến sự lựa chọn các ngành học của họ. Các cá nhân thường đánh giá mức độ phù hợp của họ với các ngành học cụ thể dựa trên mức độ phù hợp của các đặc điểm tính cách của họ với các nhu cầu và đặc điểm được nhận thức của các lĩnh vực đó. Ví dụ, sinh viên có các đặc điểm như tận tâm và cởi mở có thể hướng đến các chuyên ngành STEM hoặc kinh doanh, coi tính cách của họ là có lợi cho thành công trong các lĩnh vực này [32]. Ngược lại, những người đồng nhất với các đặc điểm sáng tạo hoặc xã hội hơn có thể cảm thấy bị thu hút bởi nghệ thuật hoặc nhân văn, do đó chọn các ngành học phản ánh tốt hơn khái niệm về bản thân của họ. Sự không phù hợp giữa các đặc điểm tính cách được nhận thức và các nhu cầu của ngành học đã chọn có thể dẫn đến tỷ lệ không hài lòng và tỷ lệ bỏ học tăng lên, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc liên kết bản sắc cá nhân với các con đường giáo dục. Giả thuyết này nhằm làm rõ vai trò của nhận thức về bản thân trong quá trình ra quyết định học thuật, cung cấp thông tin chi tiết cho các tổ chức học thuật trong việc hướng dẫn sinh viên hướng đến các con đường sự nghiệp trọn vẹn.

H3b: *Nhận thức về sự phù hợp về tính cách của bản thân đối với ngành học có tác động tích cực đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên các trường đại học tư thục tại Việt Nam.*

3. MỐI LIÊN HỆ NHẬN THỨC VỀ SỰ PHÙ HỢP VỀ ĐIỀU KIỆN CỦA BẢN THÂN ĐỐI VỚI NGÀNH HỌC VÀ HÀNH VI LỰA CHỌN NGÀNH HỌC CỦA SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC TƯ THỰC TẠI VIỆT NAM

Nhận thức về sự phù hợp của cá nhân đối với các ngành học và hành vi lựa chọn ngành học chỉ ra rằng việc tự đánh giá của sinh viên về khả năng và đặc điểm cá nhân của họ ảnh hưởng đáng kể đến việc lựa chọn lĩnh vực học tập của họ. Khi sinh viên nhận thấy mình phù hợp với một chuyên ngành cụ thể - dựa trên các kỹ năng, sở thích và tính cách của họ - họ có nhiều khả năng chọn chuyên ngành đó hơn, được thúc đẩy bởi khái niệm bản thân tích cực và động lực gia tăng. Sự phù hợp được nhận thức và lựa chọn ngành học này có thể tăng cường sự tham gia và sự hài lòng của sinh viên trong việc học của họ. Ngược lại, nếu sinh viên nghi ngờ khả năng tương thích của mình với các yêu cầu của một chuyên ngành, họ có thể chọn theo đuổi các ngành học mà họ tin là dễ đạt được hơn, có khả năng bỏ qua các lĩnh vực phù hợp hơn với sở thích và tài năng của họ. Giả thuyết này nhằm mục đích khám phá cách nhận thức của bản thân về sự phù hợp tác động đến việc ra quyết định trong việc lựa chọn chuyên ngành, hướng dẫn sinh viên điều chỉnh các con đường giáo dục của họ với tiềm năng và nguyện vọng được nhận thức của họ.

H3c: *Nhận thức về sự phù hợp về điều kiện của bản thân đối với ngành học có tác động tích cực đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên các trường đại học tư thục tại Việt Nam.*

V. MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT

Từ cơ sở lý thuyết cũng như kết quả tổng hợp các nghiên cứu trước, nhóm tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên đang theo học tại các trường đại học tư thục ở Việt Nam. Mô hình gồm ba nhóm yếu tố chính, được xây dựng dựa trên nền tảng của **Thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior – TPB)**, bao gồm:

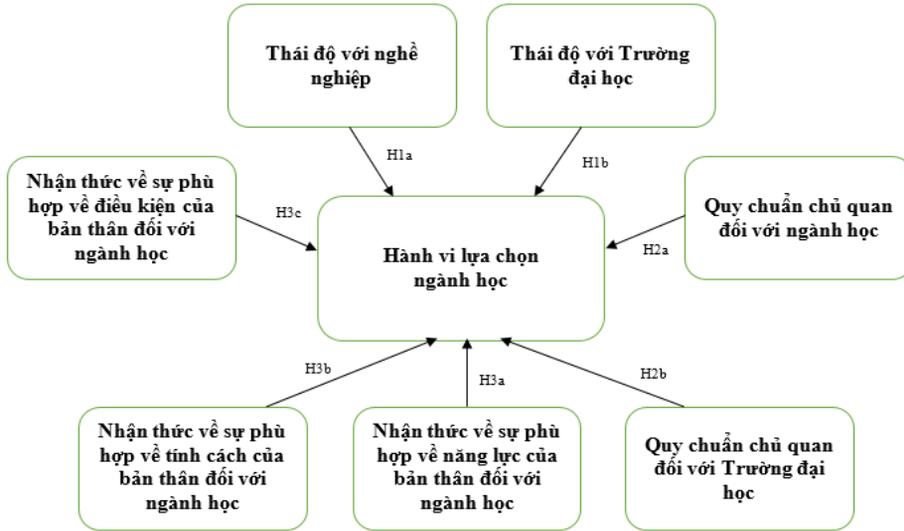
Thái độ (Attitude): gồm hai yếu tố là *thái độ đối với nghề nghiệp (H1a)* và *thái độ đối với trường đại học (H1b)*, thể hiện quan điểm, cảm nhận tích cực hoặc tiêu cực của sinh viên về nghề nghiệp tương lai cũng như môi trường học tập sắp tới;

Quy chuẩn chủ quan (Subjective Norms): bao gồm *quy chuẩn chủ quan đối với ngành học (H2a)* và *quy chuẩn chủ quan đối với trường đại học (H2b)*, phản ánh ảnh hưởng từ người thân, bạn bè, hoặc cộng đồng đối với quyết định lựa chọn;

Nhận thức về kiểm soát hành vi (Perceived Behavioral Control): được cụ thể hóa qua ba khía cạnh về mức độ phù hợp của bản thân với ngành học, gồm: *năng lực cá nhân (H3a)*, *tính cách cá nhân (H3b)*, và *điều kiện cá nhân (H3c)*.

Các yếu tố trên được giả định là có **tác động trực tiếp và tích cực** đến hành vi lựa chọn ngành học là biến phụ thuộc trong mô hình. Khái niệm cụ thể của từng nhóm yếu tố được lý giải như sau: **Ảnh hưởng từ người thân** (quy chuẩn chủ quan) thể hiện vai trò của cha mẹ, người thân hoặc bạn bè trong việc định hướng và tác động đến quyết định chọn ngành của sinh viên; **Thái độ đối với nghề nghiệp và trường đại học** phản ánh kỳ vọng nghề nghiệp, xu hướng việc làm, uy tín và chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục; **Nhận thức về sự phù hợp** thể hiện mức độ tương thích giữa năng lực, sở thích, tính cách và điều kiện cá nhân với yêu cầu của ngành học.

Từ đó, mô hình không chỉ làm rõ cơ chế tác động của từng yếu tố đến hành vi lựa chọn ngành học, mà còn cung cấp **cơ sở thực nghiệm** giúp các trường đại học và nhà hoạch định chính sách xây dựng **chiến lược tư vấn tuyển sinh** và **thiết kế chương trình đào tạo** sát với nhu cầu, kỳ vọng và điều kiện thực tế của người học.



Hình 3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

VI. THẢO LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy cả ba thành phần chính trong mô hình Thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) – bao gồm thái độ, quy chuẩn chủ quan và nhận thức về kiểm soát hành vi – đều có tác động đáng kể đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên các trường đại học tư thục tại Việt Nam.

Trước hết, thái độ đối với nghề nghiệp và trường đại học được xác định là yếu tố có ảnh hưởng tích cực và mạnh mẽ đến quyết định lựa chọn ngành học (H1a, H1b). Khi sinh viên có cảm xúc tích cực, hứng thú hoặc niềm tin vào triển vọng nghề nghiệp tương lai cũng như môi trường đào tạo mà họ sắp theo học, họ có xu hướng lựa chọn ngành học phù hợp với kỳ vọng và mục tiêu cá nhân. Kết quả này củng cố lập luận về vai trò của nhận thức cảm xúc trong quá trình ra quyết định học tập, phù hợp với các nghiên cứu trước như Erdoğan [19] và Presti et al. [24]. Thái độ tích cực không chỉ thúc đẩy động lực học tập mà còn thể hiện mối liên hệ chặt chẽ giữa động lực nội tại và hành vi lựa chọn chuyên ngành.

Thứ hai, quy chuẩn chủ quan, thể hiện qua sự kỳ vọng từ gia đình, bạn bè và cộng đồng xã hội, cũng được xác nhận là có ảnh hưởng rõ rệt đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên (H2a, H2b). Phát hiện này nhấn mạnh vai trò của yếu tố xã hội và chuẩn mực văn hóa trong bối cảnh giáo dục Việt Nam – nơi mà việc lựa chọn ngành học thường gắn với kỳ vọng của gia đình và định hướng nghề nghiệp mang tính thực dụng. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước như Sharifirad [25] và Joo [26], đồng thời phản ánh thực tế rằng sinh viên đại học tư thục thường bị chi phối bởi quan điểm của người thân, đặc biệt trong bối cảnh các yếu tố như học phí, thu nhập kỳ vọng và uy tín nghề nghiệp đóng vai trò then chốt trong quyết định học tập.

Thứ ba, nhận thức về khả năng kiểm soát hành vi – được cụ thể hóa thông qua cảm nhận về sự phù hợp giữa năng lực, tính cách và điều kiện cá nhân với ngành học – cũng có ảnh hưởng tích cực đáng kể đến hành vi lựa chọn (H3a, H3b, H3c). Khi sinh viên cảm thấy bản thân có năng lực học tập phù hợp, đặc điểm tính cách tương thích với yêu cầu ngành học, và có điều kiện tài chính đáp ứng được chi phí học tập, họ sẽ có xu hướng chọn ngành một cách tự tin và chủ động hơn. Phát hiện này hoàn toàn phù hợp với luận điểm của Ajzen [17] trong TPB, và được củng cố bởi các nghiên cứu như Chen & Simpson [32], cho thấy sự tự đánh giá thực tế về năng lực và điều kiện cá nhân là yếu tố quan trọng trong quyết định giáo dục, đặc biệt trong môi trường tư thục – nơi gánh nặng chi phí học tập là yếu tố không thể bỏ qua.

Tổng thể, kết quả nghiên cứu đã khẳng định tính phù hợp và giá trị giải thích của mô hình TPB trong việc lý giải hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên đại học tư thục tại Việt Nam. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng các yếu tố ngoài mô hình – như nhận thức về thị trường lao động, thiếu thông tin định hướng nghề nghiệp trong hệ thống giáo dục tư thục, hoặc ảnh hưởng từ truyền thông và mạng xã hội – hiện chưa được tích hợp vào mô hình. Đây chính là những hướng nghiên cứu có tiềm năng mở rộng trong tương lai nhằm hoàn thiện khung lý thuyết và nâng cao năng lực dự báo hành vi của người học trong bối cảnh biến động.

VII. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã làm sáng tỏ những nhân tố tác động đến hành vi lựa chọn ngành học của sinh viên tại các trường đại học tư thục ở Việt Nam, trong bối cảnh giáo dục đại học đang chịu ảnh hưởng ngày càng rõ nét từ các yếu tố xã hội, công nghệ và thị trường lao động. Kết quả phân tích cho thấy, có bốn nhóm yếu tố chính ảnh hưởng đáng kể đến quyết định chọn ngành học, bao gồm: (1) ảnh hưởng từ gia đình và người thân, (2) sở thích và năng lực bản thân, (3) định hướng nghề nghiệp tương lai, và (4) uy tín và chất lượng đào tạo của nhà trường.

Trong đó, yếu tố định hướng nghề nghiệp tương lai và sở thích – năng lực cá nhân được xác định là có mức độ tác động mạnh nhất, phản ánh xu hướng sinh viên ngày nay chủ động và có định hướng rõ ràng hơn trong lựa chọn nghề nghiệp. Điều này cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của các hoạt động hướng nghiệp, tư vấn tâm lý – nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục phổ thông. Ngoài ra, yếu tố uy tín trường đại học và các kênh thông tin tuyển sinh cũng được minh chứng là có ảnh hưởng đáng kể đến hành vi chọn ngành học, đặc biệt trong bối cảnh sinh viên tư thục có nhiều lựa chọn đa dạng hơn.

Từ các phát hiện trên, nghiên cứu gợi ý một số hàm ý chính sách thiết thực nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh và hướng nghiệp, đặc biệt là việc xây dựng hệ thống hỗ trợ lựa chọn ngành học dựa trên cá nhân hóa thông tin, kết nối với nhu cầu thị trường và các xu thế nghề nghiệp mới trong thời đại số. Bên cạnh đó, các trường đại học tư thục cần chú trọng chiến lược truyền thông thương hiệu học thuật, cải tiến chương trình đào tạo gắn với thực tiễn và gia tăng trải nghiệm nghề nghiệp cho sinh viên ngay từ năm đầu.

Kết quả nghiên cứu không chỉ đóng góp cho lĩnh vực quản trị giáo dục đại học mà còn mở ra những hướng nghiên cứu tiếp theo về hành vi học sinh – sinh viên trong hệ thống giáo dục và chuyển động mạnh mẽ như Việt Nam hiện nay.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, theo Mã đề tài: H2024-20.

VIII. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] R. Lumbantobing, Mery Napitupulu, and Ratman Ratman, "Differences in Student's Grade Point Average (GPA) Based on SBMPTN of UTBC and UTBK and External Motivation in Choosing PMIPA Majors of Tadulako University," *Jurnal Riset Pendidikan MIPA*, vol. 7, no. 1, pp. 42–47, Jun. 2023, doi: <https://doi.org/10.22487/j25490192.2023.v7.i1.pp42-47>.
- [2] U. Hadiyanti, A. Suroso and R P Setyanto, "Factors considered by prospective students in choosing major of online business and marketing (Study at junior high school in Banyumas Sub-district)," *Jurnal Akuntansi, Manajemen dan Ekonomi*, 2018, doi: <https://doi.org/10.32424/1.jame.2018.20.2.1044>.
- [3] J. Levin and R. Hussey, "Analyses of Majors," *Journal of College Orientation Transition and Retention*, vol. 19, no. 1, Jan. 2019, doi: <https://doi.org/10.24926/jcotr.v19i1.2782>.
- [4] R. N. Pitt and L. Zhu, "The Relationship between College Major Prestige/Status and Post-baccalaureate Outcomes," *Sociological Perspectives*, vol. 62, no. 3, pp. 325–345, Sep. 2018, doi: <https://doi.org/10.1177/0731121418803325>.
- [5] X. Wang, "Why students choose STEM majors: Motivation, high school learning, and postsecondary context of support," *American Educational Research Journal*, vol. 50, no. 5, pp. 1081–1121, Oct. 2013, doi: <https://doi.org/10.3102/0002831213488622>.
- [6] R. M. Dela and T. Wijaya, "Factors Affecting Student's Interest in Determining Majors Higher Education in Era 4.0," *Dinamika Pendidikan*, vol. 17, no. 1, pp. 62–71, Jun. 2022, doi: <https://doi.org/10.15294/dp.v17i1.34499>.
- [7] Gillis and R. Ryberg, "Is Choosing a Major Choosing a Career or Interesting Courses? An Investigation into College Students' Orientations for College Majors and Their Stability," *Journal of Postsecondary Student Success*, vol. 1, no. 2, pp. 46–71, Dec. 2021, doi: https://doi.org/10.33009/fsop_jpss129052.
- [8] None Nurhikmayana Janna, None Ingrid Nurtanio, and None Imran Taufiq, "Expert System For Major Selection Determination At Universitas Muhammadiyah Sinjai," *Inspiration Jurnal Teknologi Informasi dan Komunikasi*, vol. 13, no. 1, pp. 39–47, Jun. 2023, doi: <https://doi.org/10.35585/inspir.v13i1.41>.
- [9] R. Devianti, "Kontribusi Dukungan Orangtua, Teman Sebaya, dan Guru Bimbingan dan Konseling terhadap Minat Siswa pada Jurusan yang Ditempati di SMA," *Jurnal Konseling dan Pendidikan*, vol. 3, no. 2, p. 22, Jun. 2015, doi: <https://doi.org/10.29210/112600>.
- [10] Yu, Q. Zhou, X. Lu, and S. Zhao, "A First-Order Logic Framework of Major Choosing Decision Making With an Uncertain Reasoning Function," *IEEE Transactions on Systems Man and Cybernetics Systems*, vol. 48, no. 1, pp. 89–98, Jun. 2016, doi: <https://doi.org/10.1109/tsmc.2016.2578459>.
- [11] J. Armitage and M. Conner, "Efficacy of the Theory of Planned Behaviour: a meta-analytic Review," *British Journal of Social Psychology*, vol. 40, no. 4, pp. 471–499, Dec. 2001, doi: <https://doi.org/10.1348/014466601164939>.
- [12] D. Trafimow, "The Theory of Reasoned Action," *Theory & Psychology*, vol. 19, no. 4, pp. 501–518, Aug. 2009, doi: <https://doi.org/10.1177/0959354309336319>.
- [13] Icek Ajzen, "Theory of reasoned action," *Oxford University Press eBooks*, pp. 61–63, Jan. 2000. DOI: <https://doi.org/10.1037/10523-026>.

- [14] B. D. Belleau, T. A. Summers, Y. Xu, and R. Pinel, "Theory of Reasoned Action: Purchase Intention of Young Consumers," *Clothing and Textiles Research Journal*, vol. 25, no. 3, pp. 244–257, Jul. 2007, doi: <https://doi.org/10.1177/0887302x07302768>.
- [15] J. Ogden, "Some problems with social cognition models: A pragmatic and conceptual analysis," *Health Psychology*, vol. 22, no. 4, pp. 424–428, Jul. 2003, doi: <https://doi.org/10.1037/0278-6133.22.4.424>.
- [16] F. J. Boster, A. Z. Shaw, C. J. Carpenter, and L. L. Massi Lindsey, "Simulation of a Dynamic Theory of Reasoned Action," *Simulation & Gaming*, vol. 45, no. 6, pp. 699–731, Dec. 2014, doi: <https://doi.org/10.1177/1046878114562930>.
- [17] Ajzen, "The theory of planned behavior: Frequently asked questions," *Human Behavior and Emerging Technologies*, vol. 2, no. 4, pp. 314–324, Jun. 2020. DOI: <https://doi.org/10.1002/hbe2.195>.
- [18] R. J. Martin et al., "Using the theory of planned behavior to predict gambling behavior.," *Psychology of Addictive Behaviors*, vol. 24, no. 1, pp. 89–97, 2010, doi: <https://doi.org/10.1037/a0018452>.
- [19] M. Y. Erdogdu, "The Correlation between School Burnout and School Engagement: The Mediating Role of Attitude toward Learning," *Croatian Journal of Education - Hrvatski časopis za odgoj i obrazovanje*, vol. 22, no. 1, Mar. 2020, doi: <https://doi.org/10.15516/cje.v22i1.3250>.
- [20] Wang, S. M. Swearer, P. Lembeck, A. Collins, and B. Berry, "Teachers Matter: An Examination of Student-Teacher Relationships, Attitudes Toward Bullying, and Bullying Behavior," *Journal of Applied School Psychology*, vol. 31, no. 3, pp. 219–238, Jul. 2015, doi: <https://doi.org/10.1080/15377903.2015.1056923>.
- [21] Y. Park, J. G. Lee, H. J. Jeong, M. S. Lim, and M.-R. Oh, "How does the protean career attitude influence external employability? The roles of career resilience and proactive career behavior," *Industrial and Commercial Training*, vol. 54, no. 2, pp. 317–332, Feb. 2022, doi: <https://doi.org/10.1108/ict-06-2021-0045>.
- [22] Chitra Devi Ainer, S. Nur, Siti Raba'ah Hamzah, S. Bahri, and A. Aziz, "Attitude, Time Management Work-Life Balance and Career Choices: A Mediating Effect of Protean Career Attitude among Medical Students in Malaysia," *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences*, vol. 14, no. 7, pp. 1120–1139, Jul. 2024, Accessed: Jun. 06, 2025. [Online]. DOI: <https://doi.org/10.6007/ijarbs/v14-i7/22182>
- [23] T. Chiu, P. Moses, and Phaik Kin Cheah, "The influence of gender on STEM career choice: A partial least squares analysis," *Research and Practice in Technology Enhanced Learning*, vol. 19, pp. 025–025, Nov. 2023, doi: <https://doi.org/10.58459/rptel.2024.19025>.
- [24] Lo Presti, S. Pluviano, and J. P. Briscoe, "Are freelancers a breed apart? The role of protean and boundaryless career attitudes in employability and career success," *Human Resource Management Journal*, vol. 28, no. 3, pp. 427–442, Mar. 2018, doi: <https://doi.org/10.1111/1748-8583.12188>.
- [25] Al-Swidi, S. Mohammed Rafiul Huque, M. Haroon Hafeez, and M. Noor Mohd Shariff, "The role of subjective norms in theory of planned behavior in the context of organic food consumption," *British Food Journal*, vol. 116, no. 10, pp. 1561–1580, Sep. 2014, doi: <https://doi.org/10.1108/bfj-05-2013-0105>.
- [26] K. Joo, J. (Jay) Lee, and J. Hwang, "NAM and TPB Approach to Consumers' Decision-Making Framework in the Context of Indoor Smart Farm Restaurants," *International Journal of Environmental Research and Public Health*, vol. 19, no. 21, p. 14604, Nov. 2022, doi: <https://doi.org/10.3390/ijerph192114604>.
- [27] J. Singh and R. Kaur, "Influencing the Intention to Adopt Anti-Littering Behavior: An Approach With Modified TPB Model," *Social Marketing Quarterly*, vol. 27, no. 2, pp. 117–132, May 2021, doi: <https://doi.org/10.1177/15245004211013333>.
- [28] Selamat, H. Maupa, and M. I. Taba, "AFFORDABLE LOSS OF SMEs FRANCHISEE: THE ROLE OF PERCEIVED UNCERTAINTY AND LEARNING FROM CRISIS EXPERIENCE," *Jurnal Muara Ilmu Ekonomi dan Bisnis*, vol. 8, no. 1, pp. 47–62, Apr. 2024, doi: <https://doi.org/10.24912/jmieb.v8i1.28676>.
- [29] A. Robertson, G. M. Savva, B. L. King-Kallimanis, and R. A. Kenny, "Negative Perceptions of Aging and Decline in Walking Speed: A Self-Fulfilling Prophecy," *PLOS ONE*, vol. 10, no. 4, p. e0123260, Apr. 2015, doi: <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0123260>.
- [30] Papanthymou and M. Darra, "Student Self-Assessment in Primary and Secondary Education in Greece and Internationally," *World Journal of Educational Research*, vol. 6, no. 1, p. 50, Feb. 2019, doi: <https://doi.org/10.22158/wjer.v6n1p50>.
- [31] M. P. Silver, "Adaptation to Athletic Retirement and Perceptions About Aging: A Qualitative Study of Retired Olympic Athletes," *Journal of Aging and Physical Activity*, vol. 29, no. 5, pp. 1–15, 2020, doi: <https://doi.org/10.1123/japa.2020-0270>.
- [32] P. D. Chen and P. A. Simpson, "Does Personality Matter?: Applying Holland's Typology to Analyze Students' Self-Selection into Science, Technology Engineering, and Mathematics Majors," *The Journal of Higher Education*, vol. 86, no. 5, pp. 725–750, 2015, doi: <https://doi.org/10.1353/jhe.2015.0024>.

MAJOR CHOICE BEHAVIOR OF STUDENTS AT PRIVATE UNIVERSITIES IN VIETNAM - A THEORETICAL PERSPECTIVE

Duong The Duy, Nguyen Thi Xuan Lan, Tran Tien Quang, To Sanya Minh Kha

ABSTRACT— The choice of academic major plays a pivotal role in shaping students' career orientation and future pathways, especially in the context of a rapidly changing labor market and an increasingly diverse higher education. This study aims to identify the factors influencing the major selection behavior among students at private universities in Ho Chi Minh City. By

synthesizing and building upon previous studies, the authors propose a research model comprising four main factors: (1) influence from relatives, (2) personal abilities and interests, (3) university information and reputation, and (4) employment trends and career orientation. Each factor is measured through specific observable variables to examine its relationship with students' major selection behavior. The study not only contributes theoretically to the field of learner behavior but also provides practical implications for educational institutions and administrators in developing appropriate enrollment communication strategies and career counseling activities, thereby enhancing training effectiveness and meeting societal needs.

Keyword— *major selection, private university students, learner behavior, career orientation, behavioral theory.*



TS. Nguyễn Thị Xuân Lan

Tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Tài chính, lưu thông tiền tệ và tín dụng tại Trường Đại học Kinh tế TP.HCM. Hiện đang công tác tại Khoa Kinh tế - Tài chính Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM.



ThS. Tô Sanya Minh Kha

Tốt nghiệp thạc sĩ ngành Khoa học thông tin - thư viện tại Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (ĐHQG HCM) năm 2016. Hiện đang là thành viên Ban Cố vấn - Thư viện Trí Quảng - Học viện Phật giáo Việt Nam.



TS. Dương Thế Duy

Tốt nghiệp tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế học tại Trường Đại học kinh tế - Luật, ĐHQG TP.HCM. Hiện đang công tác tại Khoa Kinh tế - Tài chính Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học TP.HCM.



ThS. Trần Tiến Quang

Tốt nghiệp thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh tại Trường đại học Văn hóa Trung Hoa năm 2013. Hiện đang công tác tại Phòng Đảm bảo chất lượng đào tạo Trường Đại học Văn Lang.